TÒA ÁN NHÂN DÂN TP. TRÀ VINH **TỈNH TRÀ VINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 11/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 29-3-2018
"V/v tranh chấp ly hôn và quyền nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TRÀ VINH, TỈNH TRÀ VINH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà **Ngô Thị Kim Châu**.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông **Lê Hoàng Dũng**;

2. Ông **Đặng Văn Dúng**.

Thư ký phiên tòa: Ông **Võ Tấn Tài** – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa: Ông **Thạch Vũ**, Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 3 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 473/2017/TLST–HNGĐ ngày 11 tháng 12 năm 2017 về việc "*Tranh chấp ly hôn và quyền nuôi con*" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 19/2018/QĐST-HNGĐ ngày 16 tháng 3 năm 2018, giữa các đương sự:

1/ *Nguyên đơn:* Chị **Phạm Thị N,** sinh năm 1994, có mặt

Địa chỉ: Ấp T, xã TB, huyện MC, tỉnh Bến Tre.

2/ *Bị đơn*: Anh **Nguyễn Văn T**, sinh năm 1993, vắng mặt

Địa chỉ: Ấp K, xã L, thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 10 tháng 11 năm 2017 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên toà sơ thẩm hôm nay nguyên đơn Chị Phạm Thị N trình bày:

Vào năm 2014 chị kết hôn và chung sống với anh Nguyễn Văn T và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Long Đức, thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh

vào ngày 17/6/2014. Trong quá trình sống chung có một người con chung tên Nguyễn Thái T, sinh ngày 15/11/2014 và hiện đang sống với chị. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cự cãi, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, không thể hàn gắn, hôn nhân không thể kéo dài, vợ chồng sống không hạnh phúc nên không còn sống chung với nhau từ tháng 12 năm 2014 cho đến nay. Nay chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị các vấn đề sau:

Về quan hệ hôn nhân: Chị yêu cầu được ly hôn với anh Nguyễn Văn T.

Về con chung: Nguyễn Thái T, sinh ngày 15/11/2014, chị yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng và không yêu cầu anh Nguyễn Văn T phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị khai không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án anh Tđều vắng mặt không có lý do, nhưng tại biên bản xác minh ngày 04/01/2018, ông Nguyễn Văn Bình là cha của anh Nguyễn Văn T cho biết:

Anh Nguyễn Văn T và chị Phạm Thị N có kết hôn và trong quá trình chung sống thì có xảy ra nhân mâu thuẫn dẫn đến việc chị Phạm Thị N yêu cầu ly hôn là cách đây khoảng 02 năm thì giữa vợ chồng anh Nguyễn Văn T và chị Phạm Thị N có xảy ra mâu thuẫn, cự cải với nhau liên quan đến vấn đề tiền bạc. Sau đó, chị N bỏ đi về bên nhà cha mẹ ruột của chị N ở cho đến nay. Đứng dưới góc độ là cha mẹ thì ông Bình xét thấy giữa con của ông là anh Nguyễn Văn T và chị Phạm Thị N ly thân đã lâu, không muốn sống chung với nhau nữa nên nếu chị Phạm Thị N có yêu cầu ly hôn với anh Nguyễn Văn T thì Tòa án cứ căn cứ vào quy định của pháp luật để xem xét cho ly hôn.

Đối với các văn bản tố tụng Tòa án tống đạt cho anh T thì ông Nguyễn Văn B có nhận thay, có báo cho anh T nhưng do anh T đi làm ăn thường xuyên vắng mặt ở nhà, thời gian đi về thất thường nên không về tham gia giải quyết vụ án được.

Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, không bổ sung ý kiến hay yêu cầu gì thêm. Bị đơn vắng mặt nên không có ý kiến.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Trà Vinh tham gia phiên Tòa phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán về việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm này, đã chấp hành đúng qui định tại

Điều 48 của Bộ luật tố tụng dân sự và việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử tại phiên tòa hôm nay đã thực hiện đúng qui định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm.

Về nội dung vụ án: Căn cứ vào các chứng cứ tại hồ sơ thể hiện mâu thuẫn giữa chị Phạm Thị N và anh Nguyễn Văn T đã trầm trọng. Do đó căn cứ Điều 51, Điều 53, Điều 54, Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Phạm Thị N về việc yêu cầu ly hôn và giao con chung tên Nguyễn Thái T cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng. Do Chị N không yêu cầu xem xét cấp dưỡng nên đề nghị Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết. Về tài sản chung, nợ chung: Chị N khai không có nên đề nghị Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết. Về án phí: Đề nghị Hội đồng xét xử buộc Chị N phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng*: Chị Phạm Thị N có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh Nguyễn Văn T, anh Tcó hộ khẩu thường trú tại ấp K, xã L, thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh.

Anh Nguyễn Văn T là bị đơn trong vụ án, đã được Tòa án triệu tập tham gia phiên Tòa xét xử sơ thẩm hợp lệ 02 lần vào các ngày 16/3/2018 và ngày 29/3/2018 nhưng anh T vắng mặt không có lý do, nên vụ án được đưa ra xét xử theo qui định tại Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] *Về nội dung tranh chấp*:

[2.1] *Về quan hệ hôn nhân*: Chị Phạm Thị N với anh Nguyễn Văn T xác lập quan hệ vợ chồng vào ngày 17/6/2014 tại Ủy ban nhân dân xã Long Đức, thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh, đây là hôn nhân hợp pháp. Nay chị Phạm Thị Ngọc yêu cầu được ly hôn với anh Nguyễn Văn T, vì chị N cho rằng quá trình chung sống có phát sinh mâu thuẫn giữa vợ chồng là do bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cự cãi, không thể hàn gắn, hôn nhân không thể kéo dài, vợ chồng sống không hạnh phúc nên chị đã sống ly thân với anh T từ tháng 12 năm 2014 cho đến

nay. Tại phiên tòa hôm nay, chị N xác định tình cảm vợ chồng không còn, không có khả năng hòa hợp, cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc, nên chị yêu cầu ly hôn với anh T là có cơ sở chấp nhận. Bởi lẽ trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần mở các phiên hòa giải để tạo điều kiện cho chị N và anh T gặp nhau cùng tháo gỡ những mâu thuẫn của vợ chồng nhưng anh T đều vắng mặt không có lý do, đến khi mở phiên tòa xét xử nhiều lần nhưng anh T đều vẫn vắng mặt không có lý do, coi như anh T không còn thiện chí để hàn gắn hạnh phúc gia đình. Từ các cơ sở nêu trên, Hội đồng xét xử xét thấy tình cảm vợ chồng giữa chị N và anh T đã đến mức trầm trọng, đời sống hôn nhân không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, căn cứ vào Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Phạm Thị N với anh Nguyễn Văn Tới.

[2.2] *Về con chung*: Chị Phạm Thị N với anh Nguyễn Văn T có 01 người con chung tên Nguyễn Thái T, sinh ngày 15/11/2014. Điều này phù hợp với giấy khai sinh của cháu T. Nên có cơ sở xác định cháu là con chung của Chị N và anh T.

Xét về người trực tiếp nuôi con: Con chung Nguyễn Thái T sống với chị Phạm Thị Ngọc từ khi ly thân cho đến nay, nhằm bảo đảm cuộc sống ổn định cho cháu T nên cần chấp nhận yêu cầu của Chị Phạm Thị N, giao con chung Nguyễn Thái T cho chị Phạm Thị N được trược tiếp nuôi dưỡng.

Về vấn đề cấp dưỡng nuôi con Tòa án có giải thích cho đương sự biết theo quy định pháp luật, nhưng chị Phạm Thị N không yêu cầu anh Nguyễn Văn T phải cấp dưỡng nuôi con chung Nguyễn Thái T nên Tòa án không đặt ra xem xét giải quyết.

[2.3] *Về tài sản chung và nợ chung*: Chị Phạm Thị N khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra để xem xét giải quyết.

Xét ý kiến trình bày của đương sự, cũng như quan điểm đề nghị của Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Trà Vinh tại phiên tòa về việc chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Chị Phạm Thị N là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

[3] *Về án phí*: Buộc Chị Phạm Thị N phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo qui định của pháp luật.

[4] *Về quyền kháng cáo*: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; Điều 35; khoản 4 Điều 147 và Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 51; Điều 55, Điều 56; Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Tuyên xử:

Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của Chị Phạm Thị N, cho Chị Phạm Thị N được ly hôn với anh Nguyễn Văn T.

Về con chung: Nguyễn Thái T, sinh ngày 15/11/2014, giao cho Chị Phạm Thị N được trực tiếp nuôi dưỡng.

Về vấn đề cấp dưỡng Tòa án cho giải thích cho đương sự biết theo quy định pháp luật, nhưng Chị Phạm Thị N không yêu cầu anh Nguyễn Văn T phải cấp dưỡng nuôi con chung Nguyễn Thái T nên Tòa án không đặt ra xem xét giải quyết.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị Phạm Thị N khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra để xem xét, giải quyết.

Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Buộc Chị Phạm Thị N phải chịu 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí hôn nhân sơ thẩm, nhưng được trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí Chị N đã nộp theo biên lai thu tiền số 0014399 ngày 11 tháng 12 năm 2017 do Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Trà Vinh. Anh Nguyễn Văn T không phải chịu án phí.

Về quyền kháng cáo: Án xử sơ thẩm, đương sự có mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại trụ sở Ủy ban nhân dân phường, xã nơi đương sự cư trú.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền

thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ toạ phiên tòa

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Trà Vinh.
- VKSND TP Trà Vinh
- Chi cục THADS. TP Trà Vinh
- Các đương sự.
- Lưu VP, HS (...)

Đã ký

Ngô Thị Kim Châu